

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÂM
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26/6/2025

Về việc “ly hôn và nuôi dưỡng con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM – TỈNH HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Nam Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kháng

2. Bà Nguyễn Thị Ngà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tươi – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm tham gia phiên tòa:

bà Đỗ Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc “ly hôn và nuôi dưỡng con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn V, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên

Nơi ở hiện nay: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: anh Dương Mạnh C, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn V, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: cháu Dương Minh Đ, sinh ngày 12/9/2017 và cháu Dương Đức M, sinh ngày 04/9/2021, Cháu Đ, cháu M là con của chị V, anh C. Người giám hộ cho cháu Đ, cháu M là chị V, anh C. Vắng mặt.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Ông Dương Văn T1, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn V, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Dương Mạnh C có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên ngày 16/3/2017. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện của chị và anh C. Vợ chồng chị chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn sau đó thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế gia đình. Chị cũng đã nhiều lần phải trả nợ do chồng chơi bời, vay tiền mua xe chạy taxi nhưng anh C không tu chí làm ăn để chị phải trả nợ một mình. Áp lực vì gánh nặng kinh tế, không được sự chia sẻ từ anh C cho nên hôn nhân của vợ chồng chị không hòa thuận, không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân, không chung sống cùng nhà đã một thời gian. Gia đình hai bên có khuyên nhủ nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Chị V xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C.

Về con chung, chị V trình bày: chị và anh C có hai con chung là cháu Dương Minh Đ, sinh ngày 12/9/2017 và cháu Dương Đức M, sinh ngày 04/9/2021. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, chị và anh C không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản, công nợ, công sức và đất ruộng, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Mạnh C đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do tại các buổi Tòa án triệu tập, vắng mặt tại phiên tòa, phiên họp nên không có lời khai thể hiện quan điểm của anh S đối với yêu cầu khởi kiện của chị V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Dương Minh Đ có lời khai thể hiện: cháu là con của anh Dương Mạnh C và chị Nguyễn Thị V. Nếu chị V và anh C ly hôn, cháu Đ xin được ở với anh C.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh C vắng mặt tại phiên họp hòa giải nên nên Tòa án không hòa giải được phải đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa:

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với các đương sự, chị Nguyễn Thị V đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Dương Mạnh C vắng mặt tại các buổi làm việc được Tòa

án triệu tập, vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa không có lý do nên anh C không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị HĐXX cho chị Nguyễn Thị V và anh Dương Mạnh C ly hôn.

Về con chung: đề nghị giao cháu Dương Minh Đ, sinh ngày 12/9/2017 cho anh Dương Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Dương Đức M, sinh ngày 04/9/2021 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị V và anh C không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về công nợ chung; tài sản chung; công sức và đất ruộng nông nghiệp: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, Hội đồng xét xử nhận định:

[I]. Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng cả hai lần mở phiên tòa anh Dương Mạnh C đều vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[II]. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị V và anh Dương Mạnh C có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên ngày 16/03/2017, việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị V, lời khai của bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của chị V, xác định: sau khi kết hôn, vợ chồng chị V có thời đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, kéo dài nhiều năm và đã ly thân, không chung sống với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vì bất đồng kinh tế, bất đồng về quan điểm sống. Chị V cho rằng anh C không chia sẻ với chị về kinh tế, để chị phải gánh vác toàn bộ kinh tế gia đình, nhiều lần trả nợ cho anh C do anh chơi bời, do vay tiền đầu tư mua xe để chở khách nhưng anh C không tu chí làm ăn. Ông Dương Văn T1 là bố đẻ của

anh C cho biết, anh C không ở cùng vợ mà về nhà ông ở từ dịp tết năm 2025 đến nay, vợ chồng không ở cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị V đã kéo dài nhiều năm, hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh C, chị V đã thực sự trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V với anh C.

[2] Về con chung: chị V và anh C có hai con chung là các cháu Dương Minh Đ, sinh ngày 12/9/2017 và cháu Dương Đức M, sinh ngày 04/9/2021. Nguyên vọng của chị V xin được nuôi dưỡng cháu M còn anh C nuôi dưỡng cháu Đ. Quá trình giải quyết vụ án, anh C không có lời khai thể hiện quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung, song căn cứ vào lời khai của chị V, lời khai của ông T1, bà T và cháu Đ xác định, kể từ thời điểm vợ chồng chị V không chung sống cùng nhà thì cháu Đ thường xuyên ở cùng với anh C còn cháu M ở cùng với chị V, các cháu đã có cuộc sống, sinh hoạt, học tập ổn định. Chính vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị V, giao cháu Đ cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu M cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị V và anh C không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị V và anh C đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

[3] Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị V tự nguyện không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[4] Về công nợ: chị V xác định vợ chồng chị không có công nợ với ai, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về công sức: chị V không yêu cầu giải quyết về công sức nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về đất ruộng nông nghiệp: chị V không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số Nguyễn Thị V phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.

- Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị V ly hôn với anh Dương Mạnh C.

- Về con chung: giao cháu Dương Minh Đ, sinh ngày 12/9/2017 cho anh Dương Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Dương Đức M, sinh ngày 04/9/2025 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị V và anh C không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị V và anh C đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

- Về tài sản chung; công nợ; công sức và đất ruộng nông nghiệp: không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004016 ngày 02/4/2025, chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Văn Lâm;
- UBND xã Đại Đồng;
- Chi cục THADS huyện Văn Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nam Thắng

